

Số: 00570/2023/KQTN/16 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 28/11/2023

- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ĐẠI HOA
- Địa chỉ : Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 39, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 21/11/2023
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Loại mẫu : Khí thải
- Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Toluene ⁽²⁾ (mg/Nm ³)	Etyl acetate ⁽²⁾ (mg/Nm ³)	n-Butyl acetate ⁽²⁾ (mg/Nm ³)	Methyl acetate ⁽³⁾ (mg/Nm ³)
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 2 (X: 106°46'26"; Y: 11°4'22")	6,8	11,2	9,8	6,7
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 4 (X: 106°46'27"; Y: 11°4'22")	7,1	12,7	11,7	7,1
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 5 (X: 106°46'25"; Y: 11°4'23")	8,2	10,9	15,4	7,9
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 6 (X: 106°46'27"; Y: 11°4'22")	10,1	15,1	12,9	8,5
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 13 (X: 106°46'31"; Y: 11°4'27")	7,1	12,3	14,7	8,9
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 14 (X: 106°46'32"; Y: 11°4'26")	9,5	16,4	13,6	10,1
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 15 (X: 106°46'32"; Y: 11°4'25")	8,9	11,9	14,1	7,1
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 17 (X: 106°46'30"; Y: 11°4'24")	9,1	10,8	17,2	9,5
Ống thải số 1 sau HTXL xưởng gia công đế (X: 106°46'26"; Y: 11°4'23")	6,4	14,7	13,4	13,2
QCVN 20 :2009/BTNMT	≤ 750	≤ 1400	≤ 950	≤ 610
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	US EPA Method 0010	US EPA Method 18	US EPA Method 0010	US EPA Method 18

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- (²) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;
- (³) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 292;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



Số: 00570/2023/KQTN/16

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

28/11/2023

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ĐẠI HOA
- Địa chỉ** : Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 39, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu** : 21/11/2023
- Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
- Loại mẫu** : Nước thải
- Ký hiệu và mô tả mẫu** : 231121.16NT: Nước thải sau HTXL
(X:106°46'32"; Y:11°4'25")
- Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			231121.16NT		
1.	pH ⁽¹⁾	-	6,81	6 – 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	21	50	TCVN 6625:2000
3.	COD ⁽¹⁾	mg/L	29	75	SMEWW 5220C:2017
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	16	30	TCVN 6001-1: 2008
5.	Dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾	mg/L	1,1	5	SMEWW 5520B&F:2017
6.	Chất hoạt động bề mặt ⁽²⁾	mg /L	KPH MDL=0,03	-	SMEWW 5540B&C:2017
7.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	2,4×10 ³	3.000	TCVN 6187-2:2009

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ⁽²⁾ Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
- Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN



NGUYỄN THỊ HUYỀN